

DI SẢN TRUYỀN THỐNG: DÂN CHỦ HAY THIẾU DÂN CHỦ

HỒ SĨ QUÝ^(*)

*“Nhân quyền, tự do, dân chủ là xu hướng không thể đảo ngược và là đòi hỏi khách quan của xã hội loài người. Việt Nam không phải ngoại lệ”^(**) - Nguyễn Tấn Dũng*

Việt Nam có chiều dài lịch sử hàng nghìn năm. Quá trình dựng nước và giữ nước gian khó với các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, mở mang bờ cõi, chinh phục đại dương để phát triển đất nước đã để lại cho các thế hệ sau một di sản văn hóa đa dạng, nhân văn và khá đậm bản sắc. Văn hóa Việt Nam, do vậy, trên nhiều bình diện rất xứng đáng được ngợi ca và tự hào. Tuy thế, trong suốt chiều dài lịch sử ấy, có một loại văn hóa mà nếu chọn ra các ví dụ để chứng minh rằng Việt Nam đã ít nhiều có từ trong truyền thống thì cũng có thể chọn được - văn hóa dân chủ. Nhưng sẽ là đi quá xa nếu nói văn hóa dân chủ ở xã hội Việt Nam truyền thống đã đủ để đóng vai trò là điều kiện, là tiền đề để xây dựng nền dân chủ hiện đại, hoặc cũng là quá đà nếu ai đó cảm thấy tự hào về văn hóa dân chủ truyền thống ở Việt Nam.

I. Văn hóa dân chủ

1. Trước hết, không thể không nói đến bản thân khái niệm *văn hóa dân chủ* (Xem: *Словарь-справочник*, 1996). Văn hóa dân chủ, hiểu một cách đơn giản là thói quen trong quan niệm và đánh giá, mức độ thuần thực và tự

nhiên trong thực hành dân chủ của cộng đồng.

Thói quen và trình độ thuần thực đó được thể hiện trong các quan niệm và ý kiến, các thái độ và cách ứng xử của các thành viên cộng đồng đối với hệ thống quyền lực, kể cả thế quyền và thần quyền, đối với các quyết định mang tính cộng đồng, đối với bản thân quan hệ cộng đồng và đối với các thành viên khác.

Đó là những giá trị và phương thức ứng xử, những khuôn mẫu và chuẩn mực giao tiếp... của cộng đồng và của các thành viên xã hội đối với trật tự các giai tầng xã hội, các thiết chế tổ chức xã hội, các quan hệ xã hội, các quan hệ tâm linh, tín ngưỡng. Thói quen tôn trọng hay xem thường ý kiến người khác; tập quán có hay không có thảo luận cộng đồng trước và sau khi ra quyết định; thái độ và hành vi biểu thị việc chấp hành hay phản kháng quyết định tập

^(*) GS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội. hosiquy.thongtin@gmail.com

^(**) Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trả lời phỏng vấn tại Viện Koerber, Berlin, Đức, ngày 15/10/2014 (Thủ tướng, 2014)

thể, ý kiến người trên, thái độ người khác; lối ứng xử lắng nghe hay bài bác với ý kiến khác biệt, với ý kiến thiểu số, với quyền lợi của nhóm thiểu số; thái độ tôn trọng hay kỳ thị đối với tín ngưỡng, tôn giáo và với tín ngưỡng, tôn giáo của người khác... thể hiện trình độ văn hóa dân chủ truyền thống.

2. Nói đến văn hóa dân chủ, người ta chú ý đến tính xác định, tính bền vững của các quan niệm, thái độ về dân chủ và việc thực hành dân chủ của cộng đồng. Những nền dân chủ phát triển cao, có lịch sử dài lâu thường có trình độ văn hóa dân chủ cao hơn, sâu sắc hơn. Tuy vậy, những xã hội chậm phát triển cũng có thể có văn hóa dân chủ ở trình độ của họ. Đôi khi có những thói quen, tập tục của một vài xã hội truyền thống mà hiện chưa phải là các xã hội phát triển cao lại được đánh giá là đạt tới trình độ dân chủ cũng khá cao so với các khuôn mẫu của dân chủ hiện đại.

Nói rằng văn hóa dân chủ thể hiện không chỉ trong ứng xử với hệ thống quyền lực mà còn cả trong ứng xử với các quan hệ tâm linh, tín ngưỡng, người ta chú ý đến sự bình đẳng của các thành viên xã hội trước cái thiêng (Cult). Có những cộng đồng, các thành viên hoàn toàn bình đẳng trước đấng tối cao, trước cái thiêng, trước cái siêu nhiên. Nhưng cũng nhiều cộng đồng, thân phận con người bị phân biệt ngay cả trước cái siêu nhiên.

3. Mặc dù vậy, văn hóa dân chủ mà các xã hội hiện đại đang hướng tới đều là việc biến các tiêu chuẩn dân chủ toàn nhân loại trở thành các khuôn thước phổ thông được thực thi phổ biến trong các xã hội, ngấm sâu vào đời sống bình thường của mỗi con người, mỗi cộng đồng.

II. Dân chủ công xã và dân chủ làng xã

1. Vấn đề là ở chỗ có luồng ý kiến lâu nay vẫn cho rằng, xã hội Việt Nam truyền thống thực ra không đến nỗi mất dân chủ hay ít ra, cũng có dân chủ kiểu riêng của mình. Đó là kiểu “dân chủ công xã” được hình thành một cách tự phát trước khi Vương quốc Đại Việt độc lập được thành lập với những quan niệm sơ khai về bình đẳng cộng đồng.

Về dân chủ công xã, GS. Cao Huy Đỉnh viết: “Cho đến khi Vương quốc Đại Việt được hình thành độc lập sau cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc dai dẳng, kiên trì ngót ngàn năm, thì truyền thống cộng đồng dân tộc cũng được phát huy, nên dân chủ công xã được tôn trọng, tín ngưỡng dân gian được duy trì. Nhà nước quý tộc xuất thân từ các cộng đồng bộ tộc mạnh nhất như Đinh, Lê, Lý, Trần tuy đang trên đà phong kiến hóa, nhưng lại rất cần một tôn giáo phiếm thân luận, và một chủ nghĩa đại từ đại bi (Phật có ở mọi nơi, ai cũng thành Phật được, Phật thương yêu trăm họ). Vua là Bồ tát hiện thân của Đức Phật để đề cao và phổ biến hóa vương quyền và thống nhất dân tộc, nghĩa là quy tất cả các công xã có quyền tự trị (có lệ làng và thân thành hoàng riêng) vào một mối (phép vua và ơn vua). Vì vậy đạo Phật vẫn chiếm địa vị chủ yếu: “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt” nói lên lòng dân còn tán dương đạo Phật, nói lên sự việc nhà chùa còn được thay mặt “Bồ tát vua” quản lý đất làng và đời sống tinh thần ở làng. Cũng vì vậy mà chế độ tăng thông (quốc tăng) hình thành có chân rất xuống tận sư làng, gần như là tổ chức hành chính - tôn giáo kiểu Khmer và Lào mà ngày nay ta còn quan sát được” (Cao Huy Đỉnh, 2004).

2. Không thấy tác giả nào phân biệt rạch ròi dân chủ công xã với dân chủ

làng xã. Chỉ biết rằng dường như dân chủ công xã có nguồn gốc sớm hơn. Còn ngày nay, những ảnh hưởng đọng lại từ xa xưa trong tâm thức người Việt, có lúc là dấu ấn của bình đẳng công xã, đôi khi lại là dấu ấn của bình đẳng của kiểu tổ chức làng, một thiết chế xã hội tương đối thuần Việt.

“Dân chủ làng xã” trong quan niệm chung thường được hiểu là một loại hình dân chủ của cư dân nông nghiệp làm chủ ruộng đất và đời sống xã hội, thực hành một loại hình dân chủ Nho giáo trộn lẫn với bình đẳng của Phật giáo và tự do của Đạo giáo. Kiểu dân chủ này tự phát và đạt tới mức độ công bằng tương đối trước niềm tin vào Phật, trước giáo lý Nho giáo, trước sản xuất tiểu nông, trước bão lũ thiên tai, và trước cả cơ hội đỗ đạt làm quan... Không phải là đa số nhưng rõ ràng có không ít ý kiến cho rằng, Nho giáo, Phật giáo cùng với một số loại hình văn hóa truyền thống khác qua nhiều thời đại đã tạo ra tâm thức đặc thù về dân chủ ở người Việt trước đây. “Trung quân” ở Việt Nam không “ngu trung”. “Tam cương ngũ thường” không quá hà khắc (thậm chí phụ nữ Việt Nam trong xã hội truyền thống còn rất gần với quan niệm mẫu quyền, được hưởng nhiều dân chủ hơn so với phụ nữ Hồi giáo hoặc phụ nữ ở Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản...). Ở chốn quan trường, nếu bất bình với triều đình, kẻ sĩ có thể “treo ấn từ quan” về ở ẩn. Kẻ nghèo hèn vẫn có cơ hội đỗ đạt, làm quan. Xã hội chấp nhận trật tự “sĩ, nông, công, thương” nhưng vẫn không quên “Phi thương bất phú”. Dân chủ làng xã là có thật vì “Phép vua nhưng thua lệ làng” (Xem: Nguyễn Đăng Thục, 1958; Cao Xuân Huy, 1995; Phan Huy Lê, 2006; Bùi Xuân Đính, 1998; Lê

Minh Thông, 2008; Cao Tự Thanh, 2009; Trần Ngọc Vương, 2009).

3. Về dân chủ làng xã, GS. Nguyễn Đăng Thục viết: “Nếu chúng ta định nghĩa dân chủ là một hệ thống chính phủ do dân bầu ra để phục vụ quyền lợi của người dân và trong hệ thống chính quyền này, quyền lực nằm ở trong tay của dân chúng, thì chế độ làng hay xã, như hệ thống làng xã cổ của Việt Nam, quả thật là một chế độ dân chủ đặc biệt. Điều độc đáo nhất của cái nền dân chủ sơ khai này chính là chỗ tự nó hình thành, mang bản chất tự trị, rồi lại tự nó thích nghi với một hệ thống trung ương chuyên chế của chế độ quân chủ Á Đông. Cho nên có thể nói quốc gia Việt Nam giống như một hệ thống chính quyền liên bang... Tổ chức xã hội và chính trị của Việt Nam gồm có hai hệ thống đối lập nhau và chồng lên nhau. Ở dưới hạ tầng là một nền dân chủ đại nghị, tự trị và đại chúng; ở trên thượng tầng là một nền quân chủ chuyên chế, tập trung quyền lực bằng một hệ thống quan lại. Hai định chế này tuy khác nhau trên căn bản nhưng lại cùng tồn tại qua bao nhiêu thế kỷ với biết bao nhiêu biến đổi của lịch sử, trong lúc hòa bình thịnh vượng cũng như trong nội chiến và ngoại xâm” (Nguyễn Đăng Thục, 1958. tr.14).

Như vậy, theo GS. Nguyễn Đăng Thục, cơ chế quản lý của thiết chế làng xã cổ truyền chính là một kiểu “dân chủ đại nghị, tự trị và đại chúng”. Hệ thống chính trị này tự phát hình thành từ trong lịch sử và thích nghi với tất cả các “chế độ quân chủ chuyên chế, tập trung quyền lực bằng một hệ thống quan lại”. Ngược lại, chế độ quân chủ chuyên chế lại duy trì và lợi dụng hệ thống tự trị dân chủ này để phục vụ cho sự tập

trung của quyền lực. Tính chất dân chủ của xã hội Việt Nam truyền thống cũng bắt nguồn và được quy định từ sự phức tạp này. Điểm tích cực của một xã hội quân chủ không quá hà khắc và điểm hạn chế của một kiểu dân chủ nửa vời cũng từ đây mà ra.

4. Với tác giả Cao Tự Thanh, các giá trị dân chủ của xã hội Việt Nam truyền thống đã có từ xa xưa trong lịch sử. Ông chứng minh và luận giải cho sự tồn tại của những giá trị dân chủ này bằng một loạt hình tượng văn hóa được nêu trong truyền thuyết như Lang Liêu và sự tích bánh chưng bánh dày, Mai An Tiêm và sự tích buôn bán dưa hấu, Chử Đồng Tử - Tiên Dung và ý tưởng về giải phóng phụ nữ... Với các xã hội phong kiến sau này, tác giả cũng dẫn ra các quan niệm về bình đẳng và tự do của Phạm Lam Anh, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Tùng Thiện Công, Nguyễn Bình Khiêm, Đào Duy Từ, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp... để nói rằng dân chủ truyền thống ở Việt Nam là điều có thật chứ không phải hoang tưởng. Ông còn đánh giá rằng, chế độ tuyển chọn quan chức qua khoa cử Nho giáo, hay thiết chế chính trị chuyên can gián vua, quan tham hoặc quan lại phạm pháp bằng chức Ngự sử, là những biểu hiện tích cực của văn hóa dân chủ truyền thống. Tuy vậy, ông cũng thừa nhận rằng (Cao Tự Thanh, 2009):

- “Xã hội phong kiến Việt Nam tồn tại trên căn bản kinh tế tiểu nông tự cấp tự túc chỉ có thể tạo ra một truyền thống dân chủ nửa vời”.

- Văn hóa dân chủ truyền thống “song song với việc bảo vệ các thành viên của cộng đồng thì nó cũng đồng thời đè nén các thành viên bằng sức mạnh của cộng đồng, song song với việc

chống lại sự khống chế của giai cấp thống trị đối với cộng đồng thì nó cũng đồng thời tách cộng đồng ra khỏi nhiều quá trình chung của đất nước”.

- Ý thức công dân ở Việt Nam, do tồn tại trên nền tảng xã hội truyền thống, do có kết cấu khá đơn giản, thiếu hoàn chỉnh, thiên về các nội dung chính trị, nên trước những đòi hỏi hiện đại về sự phát triển, chỉ xuất hiện những điều chỉnh mang tính chấp vá về dân chủ.

Đánh giá chung, tác giả Cao Tự Thanh cho rằng, hành trang văn hóa truyền thống có những yếu tố trở thành động lực và nguồn lực, nhưng ngược lại cũng có những yếu tố trở thành gánh nặng và trở ngại cho sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam. Truyền thống dân chủ chưa đầy đủ và nhiều mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam là một giá trị như vậy.

5. GS. Phan Huy Lê trên cơ sở phê phán lối luận chứng cho dân chủ truyền thống “chỉ bằng phương pháp chọn lọc tư liệu” để chứng minh, chứ không phải là “khái quát khoa học” từ việc phân tích và tổng hợp mọi tư liệu và lý giải nguồn gốc của vấn đề trong những điều kiện lịch sử cụ thể, đã nêu ra một số nhận định đáng chú ý về tình trạng dân chủ ở xã hội Việt Nam truyền thống (Xem: Phan Huy Lê, 2006):

- Ở Việt Nam giai đoạn lịch sử cổ đại, trước khi Nhà nước sơ kỳ xuất hiện, quan hệ bóc lột nô lệ chỉ tồn tại dưới dạng “chế độ nô lệ gia trưởng (nô tỳ)”. Sự hà khắc kiểu chế độ nô lệ ở châu Âu, do vậy, không thấy có ở Việt Nam.

- Thời phong kiến, cùng với sự ra đời của chế độ tư hữu, xã hội Việt Nam xuất hiện tầng lớp địa chủ tư hữu và tầng lớp nông dân có ít nhiều ruộng đất

tư. Số đông nông dân là tá điền không có hoặc ít có ruộng đất tư, canh tác đất của nhà vua và địa chủ. “Khuyñh hướng chung của nông dân Việt Nam là muốn củng cố chế độ ruộng đất công của làng xã”. Do đó “về mặt chính trị, tư tưởng dân chủ cao nhất của nông dân là bạo động chống lại chế độ chuyên chế, lật đổ bọn bạo chúa, tham quan, cường hào với ước mơ một xã hội công bằng có vua sáng tôi hiền”. Nghĩa là “trong đấu tranh xã hội, tư tưởng dân chủ của nông dân Việt Nam chỉ dừng lại ở yêu cầu bình đẳng xã hội, bình đẳng tài sản mà mức độ phát triển cao nhất là chủ nghĩa bình quân về kinh tế - xã hội và tư tưởng bạo động về mặt chính trị... Tư tưởng đó cũng bộc lộ mặt không tưởng và bất lực của người nông dân trong sự nghiệp tự giải phóng mình”.

Như vậy, theo GS. Phan Huy Lê, ở xã hội Việt Nam truyền thống, tư tưởng dân chủ mới chỉ là dân chủ nông dân với lý tưởng cao nhất là bình đẳng công xã về một xã hội có “vua sáng tôi hiền”. Các cuộc khởi nghĩa nông dân chưa bao giờ đụng tới các vấn đề của thể chế chính trị. Nghĩa là còn rất xa với các khuôn thước dân chủ phổ thông đầu phiếu, đại biểu chính trị, quyền lực số đông như Hy Lạp cổ đại.

6. Với những ý kiến vừa nêu trên, về vấn đề “dân chủ công xã” hay “dân chủ làng xã” ở xã hội Việt Nam truyền thống, mới chỉ có thể nhận xét được như sau:

- Có đủ chứng cứ và lý lẽ cho thấy, trong xã hội Việt Nam truyền thống, suốt chiều dài lịch sử kể từ tiền sử đến Đinh, Lê... và đến tận các vương triều Nguyễn về sau, có thể có một loại hình, một kiểu dân chủ ở một trình độ nhất định, nếu so với các xã hội khá khác nghiệt đương thời ở Trung Quốc, Ấn Độ

hay các xã hội Hồi giáo. Đó là kiểu dân chủ tự phát, sơ khai gắn với cư dân công xã nông thôn, nông nghiệp, gắn với thiết chế làng Việt tự trị, tự chủ, gắn với Tân Nho cởi mở hơn và đở ngu trung hơn, gắn với văn hóa Phật giáo khá dễ dãi và bình đẳng, gắn với Đạo giáo đã biến tướng (thay đổi nhiều so với ở Trung Quốc), khá tự do và khuyến khích thái độ tự do. Trong tâm thức dân gian truyền thống, lý tưởng về công bằng, bác ái, tự do, bình đẳng, kể cả bình đẳng giới, cũng có mầm mống sơ khai mang màu sắc dân chủ.

- Những ý tưởng của các học giả như Nguyễn Đăng Thục, Cao Xuân Huy, Cao Huy Đình, Phan Huy Lê, Cao Tự Thanh... về sự tồn tại của một kiểu dân chủ tự phát, sơ khai, gắn với trình độ phát triển thấp của xã hội Việt Nam truyền thống, không phải chỉ là những phát biểu cảm tính, đề cao nét đẹp của Việt Nam xưa, mà là kết quả của những nghiên cứu nghiêm túc, công phu, có cơ sở để suy ngẫm. Nhưng với những gì đã biết, việc kết luận về tác động lạc quan hay tích cực của dân chủ truyền thống đối với xã hội ngày nay là hoàn toàn chưa đủ tin cậy. Toàn bộ vấn đề cần thiết phải được tiếp tục nghiên cứu sâu thêm.

- Vấn đề là ở chỗ, dấu cho xã hội Việt Nam truyền thống có một kiểu văn hóa dân chủ riêng của mình, thì kiểu dân chủ ấy cho đến đầu thế kỷ XX vẫn còn xa mới đáp ứng được nhu cầu dân chủ ở trình độ chung của thời đại. Nó rất thấp so với trình độ dân chủ của thế giới và nó cũng không mấy có ý nghĩa trong việc đóng vai trò là cơ sở, là điều kiện tốt lành cho nên dân chủ hiện đại nảy nở và phát triển ở Việt Nam. Ở thập niên 1930 tư tưởng dân chủ phương Tây tràn vào Việt Nam, nền nếp của xã hội

Việt Nam truyền thống hầu như chẳng giúp được gì để “khai dân trí”.

- Trong khi đó, sự cản trở của xã hội Việt Nam truyền thống đối với sự tiếp thu tư tưởng dân chủ phương Tây thì chẳng những đầu thế kỷ XX, mà đến tận ngày nay, vẫn còn khá rõ nét.

7. Khi tìm kiếm những chứng cứ để chứng minh cho sự tồn tại của văn hóa dân chủ truyền thống Việt Nam, chúng tôi thấy hầu như không có tác giả nào lý giải loại hình văn hóa dân chủ ấy đã đạt đến trình độ nào, tương đương với xã hội thời nào ở các nền dân chủ phát triển. Dĩ nhiên câu trả lời là không giản đơn. Nhưng không đánh giá được trình độ thực của dân chủ truyền thống thì cũng khó nói được nó ảnh hưởng như thế nào, tác động tích cực hay tiêu cực ở mức độ nào đối với xã hội Việt Nam ngày nay. Sự nhìn nhận và đánh giá, do vậy khó tránh khỏi ít nhiều cảm tính khi đặt xã hội Việt Nam hiện đại đang trên đường phát triển và hội nhập trong tương quan với di sản dân chủ truyền thống.

III. Dân chủ hay thiếu dân chủ

1. Về sự cản trở của Nho giáo đối với dân chủ ở các xã hội như Trung Quốc, Việt Nam, GS. Trần Ngọc Vương viết: “Việc Nho giáo được lựa chọn và trở nên học thuyết ý thức hệ độc tôn kéo dài hơn hai ngàn năm trong lịch sử chính trị Trung Quốc, hàng nghìn năm trong lịch sử chính trị Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam đã tạo ra áp lực khổng lồ, dè nén và ngăn chặn có hiệu quả mọi định hướng dân chủ hoá, cũng đồng thời tạo ra tính chính đáng (Légitimité – Legitimacy) cho sự đàn áp, tiêu diệt nhằm vào mọi tổ chức, lực lượng hay hoạt động chống đối lại định hướng tập trung, thống nhất mà cũng là chuyên chế đó của nhà nước trung ương. Trong

tư cách là một lý luận ý thức hệ, nghĩa là lý luận về quyền lực thống trị, Nho giáo đã tìm ra một thứ bảo bối để duy trì địa vị “đường như không thể bị thay thế” của nó, đó chính là sự đảm bảo về lòng trung thành tuyệt đối và vô điều kiện của mọi tín đồ của học thuyết này đối với ngôi vua, vị trí quyền lực tối cao, duy nhất cá thể hoá ở mỗi và mọi thời điểm cụ thể, một dòng họ chính thống duy nhất xét trong quan hệ truyền thừa giữa các đời” (Trần Ngọc Vương, 2007).

Suốt chiều dài lịch sử, hệ tư tưởng quân vương phong kiến đã tạo ra áp lực khổng lồ, dè nén và ngăn chặn có hiệu quả mọi xu hướng dân chủ hoá, tạo ra “tính chính đáng” cho sự đàn áp, tiêu diệt mọi tổ chức, lực lượng hay hoạt động chống lại định hướng chuyên chế của nhà nước trung ương. Đây là luận điểm cần thiết phải nhấn mạnh ở GS. Trần Ngọc Vương.

2. Chúng tôi muốn nói rằng, dân chủ, nếu phải xem xét đến các di sản truyền thống của nó, thì nhân loại chỉ có một di sản truyền thống xứng đáng được tính đến và được đánh giá cao - nền dân chủ Hy Lạp cổ đại. Đó là nền dân chủ, như A. Lincoln đã nhận xét, hoàn toàn giống với nền dân chủ Mỹ đầu thế kỷ XIX, chỉ khác về quy mô và phạm vi thực hành. Một quy mô chỉ là các thành bang nhỏ bé bên bờ Địa Trung Hải hơn 2000 năm trước, còn một quy mô là toàn thể nước Mỹ hiện đại. Một phạm vi chỉ là giai cấp chủ nô và thượng lưu, loại trừ nô lệ, còn một phạm vi là toàn thể dân chúng từ Tổng thống đến người hầu bàn, từ người da trắng đến người da vàng, da đen (Xem: Paul Cartledge, 2011). Gọi nền dân chủ Hy Lạp cổ đại là di sản dân chủ truyền thống vì lý tưởng, nguyên tắc, quy tắc,

cách thức... của di sản dân chủ này cũng chính là lý tưởng, nguyên tắc, quy tắc, cách thức... của nền dân chủ hiện đại - quyền lực thuộc về số đông, có cơ chế ngăn lạm quyền, có quy tắc thực thi phổ thông đầu phiếu hoặc dân chủ đại diện, ra quyết định trên cơ sở tham vấn đa số, bình đẳng giữa các lá phiếu... Dễ hiểu là tại sao những xã hội có di sản văn hóa Hy Lạp thuận lợi hơn trong việc tăng cường và phát triển nền dân chủ hiện đại.

Các di sản dân chủ truyền thống khác không phải là không có ý nghĩa gì đối với xã hội hiện đại, nhưng quả thực ý nghĩa ấy rất hạn chế. Thậm chí ngay cả Nhật Bản, theo GS. Trần Ngọc Vương, đến nay vẫn là quốc gia duy nhất trên thế giới mà dòng họ cầm quyền từ thời huyền sử vẫn chưa từng bị thay thế. Nhật Bản cũng xa lạ với dân chủ cho tới tận thời Minh Trị Duy Tân. Sau khi đã trở thành một đế quốc trẻ, Nhật Bản cũng không “theo gương” châu Âu để xây dựng một thiết chế chính trị dân chủ. Chỉ có thể nói đến thực tiễn chính trị dân chủ và dân chủ hoá ở Nhật Bản sau khi người Nhật thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ Hai (Xem: Trần Ngọc Vương, 2010).

Đứng trước nhu cầu không thể lảng tránh về sự dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội để phát triển, nếu phải điếm lại hành trang có được từ truyền thống, di sản lịch sử của Việt Nam là dân chủ hay thiếu dân chủ?

3. Nền dân chủ công xã tự phát và thơ ngây thời nhà nước sơ kỳ ở Việt Nam đúng là đã được bảo tồn theo cách riêng của nó qua tất cả các triều đại phong kiến tập quyền, kể cả ở thời Lê - Trịnh, thành một loại hình dân chủ đặc thù - dân chủ làng xã. Những ý tưởng

về bình đẳng và công bằng, tự do và trách nhiệm giữa thủ lĩnh và cộng đồng, giữa đàn ông và đàn bà, giữa các tầng lớp xã hội, giữa các địa phương... đã biến thành cơ chế dân chủ làng xã với lý tưởng là dân chủ nông dân. Đó là nền dân chủ đem lại sự bình đẳng về quyền lợi và trách nhiệm đối với “việc làng”, mà cao nhất là trách nhiệm của làng trước “việc nước” – việc của vua, quốc gia. Bình đẳng về quyền lợi và trách nhiệm đem lại bình đẳng về tài sản và lao động mà lý tưởng là chủ nghĩa bình quân về kinh tế - ai cũng được canh tác ruộng đất công, ai giàu có cũng được sở hữu ruộng đất tư. Nền dân chủ làng xã có mặt dân chủ chính trị của nó. Mỗi suất đinh trong làng đều bình đẳng về ý kiến và có vị thế tương đối trong làng. Tư tưởng bạo động chính trị mà cao nhất là khởi nghĩa nông dân thường cũng nhận được sự ủng hộ của làng.

4. Về mặt tư tưởng, tinh thần, tâm linh, dân chủ làng xã tạo điều kiện để việc tiếp thu Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo được bình đẳng ở mọi thành viên của làng. Ở chiều ngược lại, tư tưởng chống ngu trung của Tân Nho, tư tưởng tự do của Đạo giáo và nhất là tư tưởng bình đẳng bác ái của Phật giáo lại làm cho dân chủ làng xã có ý nghĩa hơn, phổ biến hơn. Do sự tiếp thu các giá trị tinh thần từ bên ngoài vào làng xã Việt Nam, kể cả Nho giáo, chưa từng bao giờ đạt tới mức độ triệt để, nên tất cả những giá trị tinh thần vừa nói, hòa quyện với nhau trong một tâm thức dân chủ tương đối - không quá cứng nhắc nhưng cũng không khuyến khích thay đổi, sáng tạo; không quá sùng bái bất cứ thứ gì, kể cả vua hay tôn giáo nhưng cũng không ưa cực đoan, chống đối.

5. Về các thao tác, cách thức thực hành dân chủ thì trình độ của dân chủ

làng xã còn ở mức rất giản đơn. Thiết chế các Hội đồng làng hay các chức sắc trong làng có vẻ rất chặt chẽ nhưng cách thức ra quyết định của các thiết chế này không ổn định, không thành quy trình chặt chẽ và giữa các làng cũng thường khác nhau nên cơ chế giám sát thực thi cũng rất tương đối và không nhất quán. Trường hợp quyết định nhưng không được thực hiện cũng khá phổ biến. Đây cũng là một trong những lý do để giải thích tại sao các tư tưởng dân chủ châu Âu tràn vào Việt Nam thời những năm 1930 lại không hề đến được các làng, mà chỉ dừng lại ở một số hoạt động bề nổi ở các thành phố lớn.

IV. Kết luận

Những điều nói trên cho phép kết luận rằng, nếu nền dân chủ Hy Lạp để lại cho châu Âu, cho phương Tây và cho toàn nhân loại một di sản đồ sộ về dân chủ từ lý tưởng đến quan điểm, từ nguyên tắc đến khuôn mẫu, từ cách thức, quy tắc đến lộ trình thực hiện, thậm chí đến cả quy trình bỏ phiếu và lấy phiếu tín nhiệm, thì nền dân chủ công xã và dân chủ làng xã ở Việt Nam mới chỉ để lại cho xã hội hiện đại *tâm thức về một sự công bằng và bình đẳng tương đối giữa các thành viên xã hội*. Trong khi đó di sản thiếu dân chủ, phản dân chủ của nền dân chủ làng xã nói riêng và của toàn bộ xã hội Việt Nam truyền thống nói chung, lại đè nặng lên xã hội hiện đại:

- Chưa hề có quan niệm về quyền lực của số đông, của cộng đồng phải được thể hiện trong quyết định của người đứng đầu hay của hội đồng làng. Dù xã hội ngu trung hay ít ngu trung, tiếng nói của vua, đặc biệt tiếng nói của vua sau khi đi qua cơ chế can gián, bao giờ cũng là tiếng nói tối thượng. Nền chuyên chế quân vương có quyền trấn

áp. Dân, về mặt lý thuyết dù được an ủi là có thể “lật thuyền” nhưng thực tế quá hiếm qua hơn 1000 năm, buộc phải có trách nhiệm phục tùng. Việc đánh trống kêu oan trước cửa “Tam Pháp ty” là cơ chế cuối cùng để tiếng nói của dân được tôn trọng, nhưng thực tế cũng tô điểm cho sự anh minh của vua nhiều hơn là cho sự công bằng của luật pháp.

- Sự bình đẳng tuyệt đối giữa các lá phiếu (ở đây là giữa các suất đình trong làng) cũng chưa hề có trong cơ chế dân chủ truyền thống.

- Ý chí của các thành viên xã hội (công dân, mỗi người dân trong làng, thậm chí mỗi suất đình trong làng) chưa hề được coi là một tiếng nói xã hội có trọng lượng. Ngược lại, mỗi công dân của làng phải có trách nhiệm thực thi mọi quyết định của làng, kể cả những trường hợp cá nhân không đồng ý.

- Ý tưởng và quy trình về nguyên tắc bảo lưu ý kiến chưa hề tồn tại ở làng Việt. Có ý kiến khác thì chỉ có duy nhất một cách là bỏ làng ra đi.

- Quyền thiếu số không hề có ở làng Việt. Việc nâng đỡ các quyền thiếu số ở xã hội Việt Nam truyền thống chỉ có thể trông chờ ở dư luận xã hội, ở sức mạnh của đạo đức xã hội.

Như vậy, dân chủ chỉ với nghĩa đơn giản nhất là “dân là chủ”, trên thực tế cũng chưa hề có ở thiết chế dân chủ làng xã Việt Nam, tức là chưa hề có ở xã hội Việt Nam truyền thống. Còn với nghĩa phức tạp hơn, sâu sắc hơn “dân chủ là quyền lực thuộc về số đông, các thiết chế xã hội được trao quyền để thực thi quyền lực của số đông, của cộng đồng” thì lại còn xa lạ hơn với xã hội Việt Nam truyền thống. Thực tế này là không thể lãng tránh. Và, thực tế này là “gánh nặng di sản” đối với các thế hệ sau □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
2. Paul Cartledge (2011), *The Democratic Experiment*, http://www.bbc.co.uk/history/ancient/greeks/greekdemocracy_01.shtml
3. “Демократическая культура”, *Человек и общество*, (Культурология) *Словарь-справочник* (1996), Изд. “Феникс” <http://voluntary.ru/dictionary/1109/word/demokraticeskaja-kultura>
4. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước về quản lý làng xã*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Cao Huy Đình (2004), *Tuyển tập tác phẩm*, Nxb. Lao động, Hà Nội, Bài: *Nho giáo trong lịch sử tư tưởng văn hóa Việt Nam*, <http://huc.edu.vn/chitiet/1130/Nho-giao-trong-lich-su-tu-tuong-van-hoa-Viet-Nam.html>
6. Kim Định (1970), *Việt lý tố nguyên*, An Tiêm xuất bản.
7. Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông - Gợi những tầm nhìn tham chiếu*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
8. Trần Đình Hượu (1994), *Đến hiện đại từ truyền thống*, KX.07 xuất bản.
9. Trần Trọng Kim (2003), *Nho giáo*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
10. Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
11. Phan Huy Lê (2006), *Vấn đề dân chủ trong truyền thống Việt Nam*, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2006/03/060328_phanhuyle_danchu.shtml
12. Cao Tụ Thanh (2009), *Truyền thống dân chủ trong xã hội Việt Nam*, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=76&CategoryID=3&News=2796>
13. Lê Minh Thông (2008), *Luật nước và hương ước lệ làng trong đời sống pháp lý của các cộng đồng làng xã Việt Nam*, Hội thảo Việt Nam học lần III, Ký hiệu: VNH3.TB7.851.
14. *Thủ tướng: Dân chủ là xu thế không thể đảo ngược*, <http://vietnamnet.vn/vn/chinh-tri/202481/thu-tuong--dan-chu-la-xu-the-khong-the-dao-nguoc.html>
15. Nguyễn Đăng Thục (1958), “Democracy in the Traditional Vietnamese Society”, *Vietnam Culture Series*, No. 4, Saigon: Directorate of Cultural Affairs, Ministry of National Education.
16. Trần Ngọc Vương (2007), *Lưỡng đầu chế Lê - Trịnh và những hệ quả xã hội của nó*, <http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=892&Catid=6>
17. Trần Ngọc Vương (2010), *Dân chủ hóa trong tiến trình hiện đại hóa ở các xã hội Đông Á*, <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-KH-CN/Dan-chu-hoa-trong-tien-trinh-hien-dai-hoa-cac-xa-hoi-Dong-A-34552.html>